

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Quy định về thống kê giám định tư pháp
trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính

Căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Bộ luật số 45/2019/QH14, Luật số 59/2020/QH14, Luật số 13/2022/QH15, Luật số 19/2023/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 46/2024/QH15 và Luật số 85/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tố tụng hành chính số 93/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 55/2019/QH14, Luật số 34/2024/QH15 và Luật số 85/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giám định tư pháp số 105/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thống kê số 89/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 01/2021/QH15 và Luật số 138/2025/QH15;

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Tư pháp liên tịch ban hành Thông tư liên tịch quy định về thống kê giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này quy định về nguyên tắc, nội dung, biểu mẫu, chỉ tiêu thống kê; trách nhiệm phối hợp của các cơ quan thực hiện thống kê giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư liên tịch này áp dụng đối với:

- Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân các cấp;
- Cơ quan quản lý nhà nước về giám định tư pháp ở Trung ương và cấp tỉnh;
- Tổ chức, người giám định tư pháp;
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện thống kê giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính.

Điều 3. Nguyên tắc thống kê

- Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 5 của Luật Thống kê.

2. Thống nhất các nội dung liên quan đến báo cáo thống kê, cơ sở dữ liệu thống kê và chia sẻ, khai thác dữ liệu thống kê.

3. Thống nhất số liệu thống kê giám định tư pháp của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan quản lý nhà nước về giám định tư pháp.

4. Cơ quan có trách nhiệm thống kê là cơ quan ban hành văn bản tổ tụng về trung cầu giám định tư pháp, cơ quan, tổ chức thực hiện, quản lý giám định tư pháp.

Điều 4. Nội dung, biểu mẫu, chỉ tiêu thống kê

1. Nội dung thống kê bao gồm:

a) Thống kê về trung cầu, yêu cầu giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp trong giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính;

b) Thống kê về thực hiện giám định tư pháp phục vụ giải quyết các vụ việc dân sự, vụ án hành chính của các tổ chức giám định tư pháp và người giám định tư pháp;

c) Thống kê các nội dung khác liên quan đến trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp theo quy định của pháp luật.

2. Biểu mẫu, chỉ tiêu thống kê và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu thống kê giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính được quy định tại các Phụ lục 1, 2, 3 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.

Điều 5. Kỳ báo cáo thống kê

1. Báo cáo thống kê giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính được thực hiện định kỳ 06 tháng, 12 tháng.

Báo cáo kỳ 06 tháng, thời điểm tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 30/6 của năm báo cáo. Báo cáo kỳ 12 tháng, thời điểm tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 của năm báo cáo.

2. Báo cáo đột xuất được thực hiện theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 6. Nguồn số liệu phục vụ thống kê

Số liệu thống kê giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính được thu thập từ hồ sơ, sổ nghiệp vụ, cơ sở dữ liệu, nguồn chính thức khác của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, tổ chức giám định tư pháp, người giám định tư pháp, cơ quan, tổ chức khác có liên quan và các nguồn tài liệu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Kinh phí cho hoạt động thống kê

Kinh phí cho hoạt động thống kê giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính do ngân sách nhà nước bảo đảm. Trong phạm vi chức

năng, nhiệm vụ của mình, hằng năm các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lập dự toán, gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Chương II

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP CỦA CÁC CƠ QUAN THỰC HIỆN THỐNG KÊ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TRONG HOẠT ĐỘNG TỔ TỤNG DÂN SỰ, TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH

Điều 8. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân tối cao

1. Chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện thống kê giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính.
2. Tiếp nhận, tổng hợp số liệu thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp để xây dựng báo cáo thống kê giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính.
3. Chủ trì cung cấp số liệu, thông tin và chia sẻ dữ liệu thống kê giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính.
4. Chủ trì xây dựng, vận hành, quản lý và phát triển cơ sở dữ liệu thống kê giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính.

Điều 9. Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân tối cao

1. Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo số liệu thống kê giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính của Viện kiểm sát nhân dân các cấp và gửi Tòa án nhân dân tối cao tổng hợp.
2. Phối hợp cung cấp số liệu, thông tin phục vụ công tác tổng hợp, thống kê và chia sẻ dữ liệu thống kê giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính.
3. Phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu thống kê giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính.

Điều 10. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

1. Bộ Tư pháp có trách nhiệm làm đầu mối tổng hợp, báo cáo số liệu thống kê về thực hiện giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính tại các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, cơ quan khác có liên quan và gửi Tòa án nhân dân tối cao tổng hợp.
2. Phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu thống kê giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính.
3. Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tổng hợp, kiểm tra, đối chiếu số liệu thống kê về thực hiện giám định tư pháp ở địa phương từ các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân khác làm giám định tư pháp tại địa phương để gửi Bộ Tư pháp tổng hợp.

Điều 11. Thời hạn báo cáo thống kê

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ thống kê, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp có trách nhiệm lập báo cáo thống kê gửi về Tòa án nhân dân tối cao.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ thống kê, Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm lập báo cáo thống kê liên ngành.

Điều 12. Phương thức gửi báo cáo thống kê

Báo cáo thống kê giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính của các cơ quan, đơn vị được gửi theo quy định về chế độ báo cáo thống kê của mỗi cơ quan, đơn vị, tiến tới gửi qua nền tảng cơ sở dữ liệu dùng chung thống nhất và liên thông chia sẻ dữ liệu thống kê thông suốt giữa các cơ quan, đơn vị.

Điều 13. Đối chiếu, hiệu chỉnh số liệu báo cáo thống kê

1. Cơ quan, đơn vị thực hiện thống kê phát hiện số liệu có mâu thuẫn, sai sót thì có trách nhiệm hiệu chỉnh số liệu và gửi về cơ quan chủ trì thống kê.

2. Cơ quan chủ trì thống kê phát hiện số liệu có mâu thuẫn, sai sót thì yêu cầu các cơ quan, đơn vị thực hiện thống kê kiểm tra, đối chiếu, thống nhất, hiệu chỉnh số liệu.

Điều 14. Chia sẻ và khai thác dữ liệu thống kê

1. Cơ quan, đơn vị được giao thực hiện thống kê giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp có trách nhiệm thực hiện chuyển đổi số trong khai thác, cung cấp, chia sẻ dữ liệu thống kê giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, tiến tới xây dựng nền tảng cơ sở dữ liệu dùng chung.

2. Việc công bố dữ liệu thống kê giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính thực hiện theo quy định của pháp luật về thống kê và bảo vệ bí mật nhà nước.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra thống kê giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính theo quy định của Thông tư liên tịch này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thủ trưởng các đơn vị thực hiện thống kê giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính thuộc Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Bộ Tư pháp và cơ quan quản lý nhà nước về giám định tư pháp có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thống kê giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính theo quy định của Thông tư liên tịch này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.
2. Trong quá trình thực hiện Thông tư liên tịch này, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề phải sửa đổi, bổ sung thì phản ánh kịp thời về Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp để xem xét, hướng dẫn thực hiện hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. / *phuc*

**KT. VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Nguyễn Đức Thái

**KT. CHÁNH ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN**



Nguyễn Văn Tiến

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TƯ PHÁP
THỦ TRƯỞNG**



Mai Lương Khôi

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để giám sát);
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội;
- Ban chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (02 bản);
- Thành viên HĐTP TANDTC;
- Các đơn vị thuộc TANDTC;
- Tòa án nhân dân các cấp, Viện kiểm sát nhân dân các cấp;
- Bộ Tư pháp;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố; Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử của TANDTC, VKSNDTC, BTP;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT (TANDTC, VKSNDTC, BTP), Vụ PC&QLKH (P3).

[illegible]

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG BIỂU MẪU, CHỈ TIÊU THỐNG KÊ GIÁM ĐỊNH
TƯ PHÁP TRONG HOẠT ĐỘNG TỔ TỤNG DÂN SỰ, TỔ TỤNG HÀNH
CHÍNH CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN
(PHỤ LỤC I)**

Biểu mẫu thống kê gồm 37 Cột.

LOẠI ÁN	TÒA ÁN TRUNG CẦU GIÁM ĐỊNH					
	SỐ QUYẾT ĐỊNH TÒA ÁN TRUNG CẦU GIÁM ĐỊNH					
	Cũ còn lại		Mới thực hiện trong kỳ		Tổng số	
	Tòa án tự trung cầu giám định	Tòa án trung cầu giám định theo yêu cầu của đương sự	Tòa án tự trung cầu giám định	Tòa án trung cầu giám định theo yêu cầu của đương sự	Tòa án tự trung cầu giám định	Tòa án trung cầu giám định theo yêu cầu của đương sự
1	2	3	4	5	6	7

- Cột 1: Tên loại án Tòa án đã giải quyết có trung cầu giám định gồm: Dân sự, Kinh doanh, thương mại, Hôn nhân và gia đình, Lao động, Hành chính và các vụ việc khác theo quy định của pháp luật.

- Từ Cột 2 đến Cột 7: Thống kê số lượng quyết định Tòa án trung cầu giám định, cụ thể:

+ Cột 2: Thống kê số lượng quyết định Tòa án tự mình ra quyết định trung cầu giám định cũ còn lại của kỳ trước chưa có kết quả giám định.

Cột 2 = Số liệu Cột 14 của kỳ thống kê trước chuyển sang.

+ Cột 3: Thống kê số lượng quyết định Tòa án trung cầu giám định theo yêu cầu của đương sự cũ còn lại của kỳ trước chưa có kết quả giám định.

Cột 3 = Số liệu Cột 15 của kỳ thống kê trước chuyển sang.

+ Cột 4: Thống kê số lượng quyết định Tòa án tự mình ra quyết định trung cầu giám định khi xét thấy cần thiết mới thực hiện trong kỳ thống kê.

+ Cột 5: Thống kê số lượng quyết định Tòa án trung cầu giám định theo yêu cầu của đương sự mới thực hiện trong kỳ thống kê.

+ Cột 6: Thống kê tổng số quyết định Tòa án tự mình ra quyết định trung cầu giám định khi xét thấy cần thiết trong kỳ thống kê. Cột 6 = Cột 2 + Cột 4.

+ Cột 7: Thống kê tổng số quyết định Tòa án trung cầu giám định theo yêu cầu của đương sự trong kỳ thống kê. Cột 7 = Cột 3 + Cột 5.

		TÒA ÁN TRƯNG CẦU GIÁM ĐỊNH							
KẾT QUẢ TRƯNG CẦU GIÁM ĐỊNH						CHƯA NHẬN ĐƯỢC KẾT QUẢ			
Đã nhận được kết quả		Từ chối giám định		Tòa án đình chỉ việc thực hiện giám định					
Tòa án tự trung cầu giám định	Tòa án trung cầu giám định theo yêu cầu của đương sự	Tòa án tự trung cầu giám định	Tòa án trung cầu giám định theo yêu cầu của đương sự	Tòa án tự trung cầu giám định	Tòa án trung cầu giám định theo yêu cầu của đương sự	Tòa án tự trung cầu giám định	Tòa án trung cầu giám định theo yêu cầu của đương sự		
8	9	10	11	12	13	14	15		

- Từ Cột 8 đến Cột 15: Thống kê kết quả trưng cầu giám định của Tòa án, trong đó:

+ Cột 8: Thống kê số lượng quyết định Tòa án tự mình ra quyết định trưng cầu giám định khi xét thấy cần thiết đã nhận được kết quả trưng cầu giám định.

+ Cột 9: Thống kê số lượng quyết định Tòa án trưng cầu giám định theo yêu cầu của đương sự đã nhận được kết quả trưng cầu giám định.

+ Cột 10: Thống kê số lượng quyết định Tòa án tự mình ra quyết định trưng cầu giám định khi xét thấy cần thiết nhưng bị từ chối giám định.

+ Cột 11: Thống kê số lượng quyết định Tòa án trưng cầu giám định theo yêu cầu của đương sự nhưng bị từ chối giám định.

+ Cột 12: Thống kê số lượng quyết định Tòa án tự mình ra quyết định trưng cầu giám định khi xét thấy cần thiết nhưng đã đình chỉ việc thực hiện giám định tư pháp.

+ Cột 13: Thống kê số lượng quyết định Tòa án trưng cầu giám định theo yêu cầu của đương sự nhưng đã đình chỉ việc thực hiện giám định tư pháp.

+ Cột 14: Thống kê số lượng quyết định Tòa án tự mình ra quyết định trưng cầu giám định khi xét thấy cần thiết nhưng chưa nhận được kết quả trưng cầu giám định.

+ Cột 15: Thống kê số lượng quyết định Tòa án trưng cầu giám định theo yêu cầu của đương sự nhưng chưa nhận được kết quả trưng cầu giám định.

TÒA ÁN TRƯNG CẦU GIÁM ĐỊNH						
ĐÁNH GIÁ, SỬ DỤNG KẾT LUẬN GIÁM ĐỊNH						
Số kết luận giám định được sử dụng	Số kết luận giám định phải giám định bổ sung		Số kết luận giám định phải giám định lại			Số kết luận giám định bị loại trừ hoặc không được sử dụng
	Kết luận giám định lần đầu chưa rõ, chưa đầy đủ	Phát sinh vấn đề mới liên quan đến tình tiết của vụ việc	Kết luận giám định lần đầu vi phạm pháp luật	Do có nghi ngờ về tính chính xác của kết luận giám định lần đầu	Theo quyết định của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao	
16	17	18	19	20	21	22

- Từ Cột 16 đến Cột 22: Đánh giá, sử dụng kết luận, trong đó:

+ Cột 16: Thống kê số lượng kết luận giám định được sử dụng để giải quyết vụ việc.

+ Cột 17 đến Cột 18: Thống kê số lượng kết luận giám định phải giám định bổ sung:

Cột 17: Thống kê số lượng kết luận giám định mà Tòa án phải ra quyết định trung cầu giám định bổ sung do nội dung kết luận giám định lần đầu chưa rõ, chưa đầy đủ.

Cột 18: Thống kê số lượng kết luận giám định mà Tòa án phải ra quyết định trung cầu giám định bổ sung do phát sinh vấn đề mới liên quan đến tình tiết của vụ việc.

+ Cột 19 đến Cột 21: Thống kê số lượng kết luận giám định phải giám định lại:

Cột 19: Thống kê số lượng kết luận giám định phải giám định lại do kết luận giám định lần đầu vi phạm pháp luật.

Cột 20: Thống kê số lượng kết luận giám định phải giám định lại do có nghi ngờ về tính chính xác của kết luận giám định lần đầu.

Cột 21: Thống kê số lượng kết luận giám định phải giám định lại theo quyết định của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

+ Cột 22: Thống kê số lượng kết luận giám định bị loại trừ hoặc không được sử dụng.

TÒA ÁN TRƯNG CẦU GIÁM ĐỊNH											
THỜI HẠN GIÁM ĐỊNH		THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG TRƯNG CẦU GIÁM ĐỊNH ĐÃ NHẬN ĐƯỢC KẾT QUẢ TRONG CÁC LĨNH VỰC									
Số kết luận giám định trong hạn luật định	Số kết luận giám định quá hạn luật định	Kỹ thuật hình sự	Pháp y	Pháp y tâm thần	Văn hóa	Tài chính	Ngân hàng	Xây dựng	Nông nghiệp và Môi trường	Khoa học và công nghệ	Các lĩnh vực khác
23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34

- Cột 23: Thống kê số lượng kết luận giám định trong thời hạn luật định.
- Cột 24: Thống kê số lượng kết luận giám định đã quá thời hạn luật định.
- Cột 25 đến Cột 34: Thống kê số lượng trưng cầu giám định đã nhận được kết quả trong các lĩnh vực:

Cột 25: Lĩnh vực Kỹ thuật hình sự.

Cột 26: Lĩnh vực Pháp y.

Cột 27: Lĩnh vực Pháp y tâm thần.

Cột 28: Lĩnh vực Văn hóa.

Cột 29: Lĩnh vực Tài chính.

Cột 30: Lĩnh vực Ngân hàng.

Cột 31: Lĩnh vực Xây dựng.

Cột 32: Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.

Cột 33: Lĩnh vực Khoa học và công nghệ.

Cột 34: Các lĩnh vực khác.

ĐƯƠNG SỰ TỰ YÊU CẦU GIÁM ĐỊNH		
Tổng số kết luận giám định	Số kết luận giám định được Tòa án sử dụng	Số kết luận giám định không được Tòa án sử dụng
35	36	37

- Cột 35 đến Cột 37: Thống kê số lượng kết luận giám định do đương sự tự yêu cầu giám định, trong đó:

+ Cột 35: Tổng số kết luận giám định do đương sự yêu cầu.

+ Cột 36: Thống kê số lượng kết luận giám định được Tòa án sử dụng trong giải quyết vụ việc.

+ Cột 37: Thống kê số lượng kết luận giám định không được Tòa án sử dụng trong giải quyết vụ việc.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIỂU MÀU, CHỈ TIÊU THỐNG KÊ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TRONG HOẠT ĐỘNG TỔ TỤNG DÂN SỰ, TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

[illegible]

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG BIỂU MẪU, CHỈ TIÊU THỐNG KÊ GIÁM ĐỊNH
TƯ PHÁP TRONG HOẠT ĐỘNG TỔ TỤNG DÂN SỰ, TỔ TỤNG HÀNH
CHÍNH CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
(PHỤ LỤC II)**

Biểu mẫu thống kê gồm 36 Cột.

LOẠI ÁN	SỐ QUYẾT ĐỊNH VIỆN KIỂM SÁT TRUNG CẦU GIÁM ĐỊNH					
	Cũ còn lại		Mới thực hiện trong kỳ		Tổng số	
	Viện kiểm sát tự trung cầu giám định	Viện kiểm sát trung cầu giám định theo yêu cầu của đương sự	Viện kiểm sát tự trung cầu giám định	Viện kiểm sát trung cầu giám định theo yêu cầu của đương sự	Viện kiểm sát tự trung cầu giám định	Viện kiểm sát trung cầu giám định theo yêu cầu của đương sự
1	2	3	4	5	6	7

- Cột 1: Tên loại án Viện kiểm sát có trung cầu giám định gồm: Dân sự, Kinh doanh, thương mại, Hôn nhân và gia đình, Lao động, Hành chính và các vụ việc khác theo quy định của pháp luật.

- Cột 2 đến Cột 7: Thống kê số lượng Viện kiểm sát trung cầu giám định, cụ thể:

+ Cột 2: Thống kê số lượng Viện kiểm sát tự trung cầu giám định cũ còn lại của kỳ trước chưa có kết quả giám định.

Cột 2 = Số liệu Cột 14 của kỳ thống kê trước chuyển sang.

+ Cột 3: Thống kê số lượng Viện kiểm sát trung cầu giám định theo yêu cầu của đương sự cũ còn lại chưa có kết quả giám định.

Cột 3 = Số liệu Cột 15 của kỳ thống kê trước chuyển sang.

+ Cột 4: Thống kê số lượng Viện kiểm sát tự trung cầu giám định mới thực hiện trong kỳ.

+ Cột 5: Thống kê số lượng Viện kiểm sát trung cầu giám định theo yêu cầu của đương sự mới thực hiện trong kỳ.

+ Cột 6: Tổng số Viện kiểm sát tự trung cầu giám định. Cột 6 = Cột 2 + Cột 4.

+ Cột 7: Tổng số Viện kiểm sát trung cầu giám định theo yêu cầu của đương sự. Cột 7 = Cột 3 + Cột 5.

KẾT QUẢ TRƯNG CẦU GIÁM ĐỊNH						CHƯA NHẬN ĐƯỢC KẾT QUẢ	
Đã nhận được kết quả		Từ chối giám định		Viện kiểm sát đình chỉ việc thực hiện giám định		Viện kiểm sát tự trung cầu giám định	Viện kiểm sát trung cầu giám định theo yêu cầu của đương sự
Viện kiểm sát tự trung cầu giám định	Viện kiểm sát trung cầu giám định theo yêu cầu của đương sự	Viện kiểm sát tự trung cầu giám định	Viện kiểm sát trung cầu giám định theo yêu cầu của đương sự	Viện kiểm sát tự trung cầu giám định	Viện kiểm sát trung cầu giám định theo yêu cầu của đương sự		
8	9	10	11	12	13	14	15

- Cột 8 đến Cột 15: Thống kê số lượng kết quả trưng cầu:

+ Cột 8: Thống kê số lượng Viện kiểm sát tự trung cầu giám định và đã nhận được kết quả.

+ Cột 9: Thống kê số lượng Viện kiểm sát trung cầu giám định theo yêu cầu của đương sự và đã nhận được kết quả.

+ Cột 10: Thống kê số lượng quyết định Viện kiểm sát tự trung cầu giám định khi xét thấy cần thiết nhưng bị từ chối giám định.

+ Cột 11: Thống kê số lượng quyết định Viện kiểm sát trung cầu giám định theo yêu cầu của đương sự nhưng bị từ chối giám định.

+ Cột 12: Thống kê số lượng quyết định Viện kiểm sát tự trung cầu giám định khi xét thấy cần thiết nhưng đã đình chỉ việc thực hiện giám định tư pháp.

+ Cột 13: Thống kê số lượng quyết định Viện kiểm sát trung cầu giám định theo yêu cầu của đương sự nhưng đã đình chỉ việc thực hiện giám định tư pháp.

+ Cột 14: Thống kê số lượng quyết định Viện kiểm sát tự trung cầu giám định khi xét thấy cần thiết chưa nhận được kết quả trưng cầu giám định.

+ Cột 15: Thống kê số lượng quyết định Viện kiểm sát trung cầu giám định theo yêu cầu của đương sự chưa nhận được kết quả trưng cầu giám định.

ĐÁNH GIÁ, SỬ DỤNG KẾT LUẬN GIÁM ĐỊNH							THỜI HẠN GIÁM ĐỊNH	
Số kết luận giám định được sử dụng	Số kết luận giám định phải giám định bổ sung		Số kết luận giám định phải giám định lại			Số kết luận giám định bị loại trừ hoặc không được sử dụng	Số kết luận giám định trong hạn luật định	Số kết luận giám định quá hạn luật định
	Kết luận giám định lần đầu chưa rõ, chưa đầy đủ	Phát sinh vấn đề mới liên quan đến tình tiết của vụ việc	Kết luận giám định lần đầu vi phạm pháp luật	Do có nghi ngờ về tính chính xác của kết luận giám định lần đầu	Theo quyết định của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao			
16	17	18	19	20	21	22	23	24

- Cột 16 đến Cột 22: Thống kê đánh giá, sử dụng kết luận giám định:

+ Cột 16: Thống kê số lượng kết luận giám định được sử dụng để giải quyết vụ việc.

+ Cột 17 đến Cột 18: Thống kê số lượng kết luận giám định phải giám định bổ sung:

Cột 17: Thống kê số lượng kết luận giám định mà Viện kiểm sát phải trưng cầu giám định bổ sung do nội dung kết luận giám định lần đầu chưa rõ, chưa đầy đủ.

Cột 18: Thống kê số lượng kết luận giám định mà Viện kiểm sát phải trưng cầu giám định bổ sung do phát sinh vấn đề mới liên quan đến tình tiết của vụ việc.

+ Cột 19 đến Cột 21: Thống kê số lượng kết luận giám định phải giám định lại:

Cột 19: Thống kê số lượng kết luận giám định phải giám định lại do kết luận giám định lần đầu vi phạm pháp luật.

Cột 20: Thống kê số lượng kết luận giám định phải giám định lại do có nghi ngờ về tính chính xác của kết luận giám định lần đầu.

Cột 21: Thống kê số lượng kết luận giám định phải giám định lại theo quyết định của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

+ Cột 22: Thống kê số lượng kết luận giám định bị loại trừ hoặc không được sử dụng.

- Cột 23: Thống kê số lượng kết luận giám định trong thời hạn luật định.

- Cột 24: Thống kê số lượng kết luận giám định đã quá thời hạn luật định.

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG TRUNG CẦU GIÁM ĐỊNH ĐÃ NHẬN ĐƯỢC KẾT QUẢ TRONG CÁC LĨNH VỰC										KIẾN NGHỊ, KHÁNG NGHỊ	
Kỹ thuật hình sự	Pháp y	Pháp y tâm thần	Văn hóa	Tài chính	Ngân hàng	Xây dựng	Nông nghiệp và Môi trường	Khoa học và công nghệ	Các lĩnh vực khác	Số kiến nghị liên quan đến giám định tư pháp	Số kháng nghị liên quan đến giám định tư pháp
25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36

- Cột 25 đến Cột 34: Thống kê số lượng trung cầu, yêu cầu giám định đã nhận được kết quả trong các lĩnh vực bao gồm:

- + Cột 25: Lĩnh vực Kỹ thuật hình sự.
- + Cột 26: Lĩnh vực Pháp y.
- + Cột 27: Lĩnh vực Pháp y tâm thần.
- + Cột 28: Lĩnh vực Văn hóa.
- + Cột 29: Lĩnh vực Tài chính.
- + Cột 30: Lĩnh vực Ngân hàng.
- + Cột 31: Lĩnh vực Xây dựng.
- + Cột 32: Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.
- + Cột 33: Lĩnh vực Khoa học và công nghệ.
- + Cột 34: Các lĩnh vực khác.

- Cột 35 đến Cột 36: Thống kê số lượng kiến nghị, kháng nghị của Viện kiểm sát:

- + Cột 35: Thống kê số lượng kiến nghị của Viện kiểm sát liên quan đến giám định tư pháp.
- + Cột 36: Thống kê số lượng kháng nghị của Viện kiểm sát liên quan đến giám định tư pháp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

[illegible]

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG BIỂU MẪU, CHỈ TIÊU THỐNG KÊ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TRONG HOẠT ĐỘNG TỔ TỰNG DÂN SỰ, TỔ TỰNG HÀNH CHÍNH CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP (PHỤ LỤC III)

Biểu mẫu thống kê gồm 39 Cột.

LOẠI ÁN	SỐ TRUNG CẦU, YÊU CẦU GIÁM ĐỊNH								
	Cũ còn lại			Mới thực hiện trong kỳ			Tổng số		
	Tòa án trung cầu giám định	Viện kiểm sát trung cầu giám định	Đương sự yêu cầu giám định	Tòa án trung cầu giám định	Viện kiểm sát trung cầu giám định	Đương sự yêu cầu giám định	Tòa án trung cầu giám định	Viện kiểm sát trung cầu giám định	Đương sự yêu cầu giám định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

- Cột 1: Tên loại án mà Cơ quan quản lý nhà nước về giám định tư pháp đã thực hiện giám định gồm: Dân sự, Kinh doanh, thương mại, Hôn nhân và gia đình, Lao động, Hành chính và các vụ việc khác theo quy định của pháp luật.

- Cột 2 đến Cột 10: Thống kê số lượng trung cầu, yêu cầu giám định:

+ Cột 2 đến Cột 4: Thống kê số lượng trung cầu, yêu cầu giám định cũ còn lại của kỳ trước:

Cột 2: Thống kê số lượng trung cầu giám định cũ còn lại do Tòa án trung cầu giám định.

Cột 3: Thống kê số lượng trung cầu giám định cũ còn lại do Viện kiểm sát trung cầu giám định.

Cột 4: Thống kê số lượng yêu cầu giám định cũ còn lại do đương sự yêu cầu giám định.

+ Cột 5 đến Cột 7: Thống kê số lượng trung cầu, yêu cầu giám định mới thực hiện trong kỳ:

Cột 5: Thống kê số lượng trung cầu giám định mới thực hiện trong kỳ do Tòa án trung cầu giám định.

Cột 6: Thống kê số lượng trung cầu giám định mới thực hiện trong kỳ do Viện kiểm sát trung cầu giám định.

Cột 7: Thống kê số lượng yêu cầu giám định mới thực hiện trong kỳ do đương sự yêu cầu giám định.

+ Cột 8 đến Cột 10: Thống kê tổng số trung cầu, yêu cầu giám định:

Cột 8: Tổng số trung cầu giám định do Tòa án trung cầu giám định. Cột 8 = Cột 2 + Cột 5.

Cột 9: Tổng số trung cầu giám định do Viện kiểm sát trung cầu giám định. Cột 9 = Cột 3 + Cột 6.

Cột 10: Tổng số yêu cầu giám định do đương sự yêu cầu giám định. Cột 10 = Cột 4 + Cột 7.

KẾT QUẢ TRUNG CẦU, YÊU CẦU GIÁM ĐỊNH									
Đã trả kết quả			Từ chối giám định		Đình chỉ việc thực hiện giám định		Chưa có kết quả		
Tòa án trung cầu giám định	Viện kiểm sát trung cầu giám định	Đương sự yêu cầu giám định	Tòa án trung cầu giám định	Viện kiểm sát trung cầu giám định	Tòa án đình chỉ	Viện kiểm sát đình chỉ	Tòa án trung cầu giám định	Viện kiểm sát trung cầu giám định	Đương sự yêu cầu giám định
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

- Cột 11 đến Cột 20: Thống kê số lượng kết quả trung cầu, yêu cầu giám định:

+ Cột 11 đến Cột 13: Thống kê số lượng kết quả trung cầu, yêu cầu giám định và đã trả kết quả:

Cột 11: Thống kê số lượng kết quả trung cầu Tòa án trung cầu giám định và đã trả kết quả.

Cột 12: Thống kê số lượng kết quả trung cầu Viện kiểm sát trung cầu giám định và đã trả kết quả.

Cột 13: Thống kê số lượng kết quả yêu cầu do đương sự yêu cầu giám định và đã trả kết quả.

+ Cột 14 đến Cột 15: Thống kê số lượng trung cầu, yêu cầu giám định nhưng bị từ chối giám định:

Cột 14: Thống kê số lượng trung cầu do Tòa án trung cầu giám định nhưng bị từ chối giám định.

Cột 15: Thống kê số lượng trung cầu do Viện kiểm sát trung cầu giám định nhưng bị từ chối giám định.

+ Cột 16 đến Cột 17: Thống kê số lượng trung cầu giám định bị đình chỉ việc thực hiện giám định.

Cột 16: Thống kê số lượng Tòa án đình chỉ việc thực hiện giám định.

Cột 17: Thống kê số lượng Viện kiểm sát đình chỉ việc thực hiện giám định.

+ Cột 18 đến Cột 20: Thống kê số lượng kết quả trung cầu, yêu cầu giám định chưa có kết quả:

Cột 18: Thống kê số lượng Tòa án trung cầu giám định chưa có kết quả.

Cột 19: Thống kê số lượng Viện kiểm sát trung cầu giám định chưa có kết quả.

Cột 20: Thống kê số lượng đương sự yêu cầu giám định chưa có kết quả.

ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁM ĐỊNH							THỜI HẠN GIÁM ĐỊNH	
Số kết luận giám định được sử dụng	Số kết luận giám định phải giám định bổ sung		Số kết luận giám định phải giám định lại			Số kết luận giám định bị loại trừ hoặc không được sử dụng	Số kết luận giám định trong hạn luật định	Số kết luận giám định quá hạn luật định
	Kết luận giám định lần đầu chưa rõ, chưa đầy đủ	Phát sinh vấn đề mới liên quan đến tình tiết của vụ việc	Kết luận giám định lần đầu vi phạm pháp luật	Do có nghi ngờ về tính chính xác của kết luận giám định lần đầu	Trong trường hợp đặc biệt			
21	22	23	24	25	26	27	28	29

- Cột 21 đến Cột 27: Thống kê đánh giá chất lượng giám định:

+ Cột 21: Thống kê số kết luận giám định được sử dụng.

+ Cột 22: Thống kê số kết luận giám định phải giám định bổ sung do kết luận lần đầu chưa rõ, chưa đầy đủ.

+ Cột 23: Thống kê số kết luận giám định phải giám định bổ sung do phát sinh vấn đề mới liên quan đến tình tiết của vụ việc.

+ Cột 24: Thống kê số kết luận giám định phải giám định lại do kết luận lần đầu vi phạm pháp luật.

+ Cột 25: Thống kê số kết luận giám định phải giám định lại do có nghi ngờ về tính chính xác của kết luận giám định lần đầu.

+ Cột 26: Thống kê số kết luận giám định phải giám định lại trong trường hợp đặc biệt theo quyết định của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

+ Cột 27: Thống kê số kết luận giám định bị loại trừ hoặc không được sử dụng.

- Cột 28: Thống kê số kết luận giám định trong hạn luật định.

- Cột 29: Thống kê số kết luận giám định quá hạn luật định.

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG KẾT LUẬN GIÁM ĐỊNH THEO CÁC LĨNH VỰC									
Kỹ thuật hình sự	Pháp y	Pháp y tâm thần	Văn hóa	Tài chính	Ngân hàng	Xây dựng	Nông nghiệp và Môi trường	Khoa học và công nghệ	Các lĩnh vực khác
30	31	32	33	34	35	36	37	38	39

- Cột 30 đến Cột 39: Thống kê số lượng kết luận giám định theo các lĩnh vực:

Cột 30: Lĩnh vực Kỹ thuật hình sự.

Cột 31: Lĩnh vực Pháp y.

Cột 32: Lĩnh vực Pháp y tâm thần.

Cột 33: Lĩnh vực Văn hóa.

Cột 34: Lĩnh vực Tài chính.

Cột 35: Lĩnh vực Ngân hàng.

Cột 36: Lĩnh vực Xây dựng.

Cột 37: Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.

Cột 38: Lĩnh vực Khoa học và công nghệ.

Cột 39: Các lĩnh vực khác.